

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 610 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 610 là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 3365/2001/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300425187 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 10 năm 2012.

Trụ sở chính Công ty được đặt tại số 968 Quốc Lộ 1A, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng đại diện Công ty được đặt tại Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng theo công văn số 433 ngày 06 tháng 08 năm 2010 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Chi nhánh Phước Tân: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300425187-001 ngày 04 tháng 01 năm 2007 và các giấy chứng nhận thay đổi gần nhất là vào ngày 22 tháng 04 năm 2010.
- Chi nhánh Phú Quốc: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300425187-002 ngày 02 tháng 01 năm 2007 và các giấy chứng nhận thay đổi gần nhất là vào ngày 20 tháng 05 năm 2010.
- Xí Nghiệp Cơ Giới Xây Dựng Công Trình 610: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300425187-003 ngày 07 tháng 06 năm 2011.
- Xí Nghiệp Xây Lắp Cienco 610: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300425187-004 ngày 16 tháng 07 năm 2011.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên

Ông Nguyễn Thăng Long

Ông Võ Thành Nghiệp

Ông Trương Hữu Quyền

Ông Trần Phú

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chức danh

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Nguyễn Thị Cam	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Ông Cao Văn Lờ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Thăng Long	Tổng Giám đốc
Ông Hà Thanh Mẫn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/01/2015)
Ông Lê Văn Nở	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm tháng 01/2015)

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC *36*



NGUYỄN THẮNG LONG

Số: 16.191BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 610 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016 từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 610 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.197.194.829	192.095.812.187
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	14.522.103.306	12.929.159.709
1. Tiền	111		14.522.103.306	12.929.159.709
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.719.811.233	76.645.322.679
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	74.271.726.981	61.748.418.892
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.3)	9.970.963.282	3.135.266.152
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	21.219.617.679	19.656.986.132
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(10.742.496.709)	(7.895.348.497)
III. Hàng tồn kho	140		58.898.247.147	99.846.099.996
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	58.898.247.147	99.846.099.996
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.057.033.143	2.675.229.803
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(5.13)	2.056.700.978	2.675.229.803
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.13)	332.165	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.675.664.283	36.971.959.505
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	1.045.352.498
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	10.000.000	1.045.352.498
II. Tài sản cố định	220		64.105.050.484	25.977.987.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	62.833.098.184	24.706.035.454
+ Nguyên giá	222		116.525.209.108	67.382.438.383
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.692.110.924)	(42.676.402.929)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.271.952.300	1.271.952.300
+ Nguyên giá	228		1.271.952.300	1.271.952.300
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.803.636.365	2.760.909.091
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.8)	11.803.636.365	2.760.909.091
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.9)	5.387.618.180	5.387.618.180
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.700.000.000	4.700.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.860.280.000	2.860.280.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.172.661.820)	(2.172.661.820)
V. Tài sản dài hạn khác	260		369.359.254	1.800.091.982
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		298.155.381	1.723.934.760
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(6.9)	71.203.873	76.157.222
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		251.872.859.112	229.067.771.692

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		161.205.174.471	152.246.294.903
I. Nợ ngắn hạn	310		147.187.126.471	149.682.442.405
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.11)	42.352.878.689	46.260.492.141
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(5.12)	39.987.433.720	54.613.376.343
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.13)	4.822.747.617	3.760.901.709
4. Phải trả người lao động	314		1.827.605.412	2.256.622.588
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.14)	26.822.774.394	8.969.698.244
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.15)	14.574.081.230	6.574.364.691
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.10)	13.830.078.265	25.198.797.781
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.16)	2.969.527.144	2.048.188.908
II. Nợ dài hạn	330		14.018.048.000	2.563.852.498
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.15)	875.610.000	1.923.852.498
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.10)	13.142.438.000	640.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.667.684.641	76.821.476.788
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17.1)	90.667.684.641	76.821.476.788
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.156.850.000	1.156.850.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	(5.17.5)	14.612.211.229	12.134.622.716
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.898.623.412	13.530.004.072
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		426.501.438	1.856.713.944
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.472.121.974	11.673.290.128
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		251.872.859.112	229.067.771.692

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



CAO VĂN LÔI



VÕ THÀNH NGHIỆP



NGUYỄN THẮNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

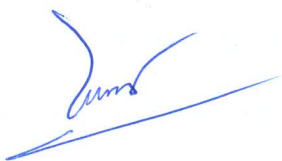
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		414.458.128.058	269.426.446.714
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		25.387.940	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	414.432.740.118	269.426.446.714
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	358.334.357.975	230.247.198.584
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.098.382.143	39.179.248.130
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	4.682.529.542	3.270.089.761
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	3.475.730.714	2.765.725.310
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.200.042.344	1.659.881.303
8. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	7.491.584.542	18.747.144.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	19.633.536.976	14.977.865.226
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.180.059.453	5.958.603.233
11. Thu nhập khác	31		567.980.672	10.407.677.116
12. Chi phí khác	32		598.598.943	2.229.754.540
13. Lợi nhuận khác	40		(30.618.271)	8.177.922.576
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.149.441.182	14.136.525.809
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	5.672.365.860	2.345.580.844
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(6.9)	4.953.348	117.654.837
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.472.121.974	11.673.290.128

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



CAO VĂN LỢI



VÕ THÀNH NGHIỆP



NGUYỄN THĂNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.149.441.182	14.136.525.809
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		11.158.434.995	9.330.060.412
Các khoản dự phòng	03		2.847.148.212	1.878.868.720
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.455.164	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(526.624.979)	(11.661.807.714)
Chi phí lãi vay	06		3.200.042.344	1.659.881.303
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		46.837.896.918	15.343.528.530
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.268.087.608)	(6.167.067.233)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.947.852.849	(19.590.965.388)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.366.987.128)	18.723.838.432
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.425.779.379	(1.408.809.487)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.200.042.344)	(1.659.881.303)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.619.105.529)	(3.780.684.486)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			113.340.368
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.574.612.000)	(1.726.558.155)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		58.182.694.537	(153.258.722)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(60.488.584.204)	(13.777.330.147)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.195.454.545	9.218.401.318
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			(600.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1.853.217.066)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		491.529.639	2.910.081.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(57.801.600.020)	(4.102.064.223)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	64.123.734.401	59.052.888.987
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(62.260.015.917)	(50.619.847.183)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(642.414.240)	(7.603.824.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.221.304.244	829.216.874
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.602.398.761	(3.426.106.071)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.929.159.709	16.355.265.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.455.164)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	(5.1)	14.522.103.306	12.929.159.709

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO VĂN LÔI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ THÀNH NGHIỆP

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THẮNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 610 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 03 tháng 06 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 610 theo:

- Quyết định số 3365/2001/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300425187 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 10 năm 2012.

Trụ sở chính Công ty được đặt tại số 968 Quốc Lộ 1A, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng đại diện Công ty được đặt tại Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng theo công văn số 433 ngày 06 tháng 08 năm 2010 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	12.342.610.000	25	11.802.610.000	24
Ông Nguyễn Thăng Long	10.408.100.000	21	10.408.100.000	21
Bà Nguyễn Thị Hạnh Hương	7.087.500.000	14	-	-
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6	-	-	7.556.300.000	15
Các cổ đông khác	20.161.790.000	40	20.232.990.000	40
Cộng	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 118 (31/12/2014: 127).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông và cơ sở hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng các công trình giao thông: cầu, đường bê tông nhựa, đường bê tông xi măng, nhà ga, sân bay, bến cảng, hầm;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình giao thông, cơ sở hạ tầng, cụm dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Sản xuất khai thác đá, sản xuất mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất lắp dựng kết cấu thép, cấu kiện bê tông cốt thép thường và dự ứng lực, bê tông nhựa; Sản xuất mua bán bê tông thương phẩm;
- Sửa chữa phương tiện cơ giới đường bộ, xe gắn máy, thiết bị thi công, sản phẩm cơ khí;
- Mua bán sắt thép, kinh doanh xăng dầu, mỡ. Mua bán vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành giao thông vận tải; Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô và tàu thủy siêu trường, siêu trọng; Kinh doanh nhà ở; Kinh doanh nhà hàng ăn uống. Kinh doanh lưu hành nội địa.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được tính từ thời điểm mua nguyên vật liệu để tham gia vào một quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Khoáng sản Mê Kông	Ấp Hòn Sóc, Xã Thổ Sơn, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang	52,22%	52,22%	52,22%
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Nam Phương	968 Quốc lộ 1A, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	24,02%	24,02%	24,02%
Công ty Cổ phần Bê Tông 610 Phan Thông	Tổ 3, Ấp Suối Mây, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	50,00%	50,00%	50,00%

Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Chi nhánh Phước Tân: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300425187-001 ngày 04 tháng 01 năm 2007 và các giấy chứng nhận thay đổi gần nhất là vào ngày 22 tháng 04 năm 2010.
- Chi nhánh Phú Quốc: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300425187-002 ngày 02 tháng 01 năm 2007 và các giấy chứng nhận thay đổi gần nhất là vào ngày 20 tháng 05 năm 2010.
- Xí Nghiệp Cơ Giới Xây Dựng Công Trình 610: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300425187-003 ngày 07 tháng 06 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Xí Nghiệp Xây Lắp Cienco 610: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300425187-004 ngày 16 tháng 07 năm 2011.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ;

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.22.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ Cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế Cuối năm.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:
 - Xây dựng công trình: bao gồm chi phí xây dựng, chi phí nhân công, chi phí thuê máy thi công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí liên quan đến thăm dò, khai thác mở rộng mỏ theo khối lượng khai thác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9. Tài sản cố định hữu hình***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2015

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 - 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 04 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

4.10. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái Cuối năm.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

4.17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.19. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

4.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.22. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	19.656.986.132	6.496.249.527
Tài sản ngắn hạn khác	-	13.160.736.605
Hàng tồn kho	99.846.099.996	88.744.601.701
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	11.101.498.295
Phải thu dài hạn khác	1.045.352.498	-
Tài sản dài hạn khác	-	1.045.352.498
Phải trả ngắn hạn khác	6.574.364.691	7.619.717.189
Phải trả dài hạn khác	1.923.852.498	878.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	12.134.622.716	7.025.966.920
Quỹ dự phòng tài chính	-	5.108.655.796

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng cho nhân viên	Phải thu ngắn hạn khác	Tài sản ngắn hạn khác
Kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	Phải thu ngắn hạn khác	Tài sản ngắn hạn khác
Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	Phải thu dài hạn khác	Tài sản dài hạn khác
Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.333.349.205	239.348.340
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.188.754.101	12.689.811.369
Cộng	14.522.103.306	12.929.159.709

Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 5.10.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.2. Phải thu của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng	58.734.876.912	31.472.988.842
<i>Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Phát triển Phú Quốc</i>	11.639.158.315	10.126.345.559
<i>Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương</i>	11.594.549.000	-
<i>Công ty TNHH SG RDC</i>	9.037.262.080	-
<i>Ban quản lý các dự án Đầu tư Xây dựng Công nghiệp GT Kiên Giang</i>	5.420.736.447	5.890.736.447
<i>Các đối tượng khác</i>	21.043.171.070	15.455.906.836
Xí nghiệp Phước Tân	15.365.973.069	30.114.138.050
<i>Công ty TNHH Hữu Trọng</i>	5.481.324.330	1.592.089.350
<i>Công ty TNHH Khai thác Đá Hưng Vương</i>	2.177.023.941	2.183.252.616
<i>Công ty CP Bê tông Rạch Chiết</i>	2.097.840.390	1.226.287.621
<i>Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam</i>	1.164.891.474	472.716.983
<i>Công ty TNHH SG RDC</i>	-	11.905.157.440
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hải Thanh Long</i>	-	7.054.019.260
<i>Các đối tượng khác</i>	4.444.892.934	5.680.614.780
Xí nghiệp dịch vụ	170.877.000	161.292.000
Cộng	74.271.726.981	61.748.418.892
Trong đó, khoản phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8:		
<i>Công ty CP Bê tông 610 Phan Thông</i>	-	2.332.600
Cộng	-	2.332.600

Toàn bộ các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế đã được ký kết được dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.10.

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng	9.398.801.102	2.511.765.739
<i>Công ty TNHH MTV Hoàng Long Anh</i>	3.100.000.000	-
<i>Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Thương mại Quốc Kim</i>	1.535.250.193	57.112.193
<i>Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hiệp Phú</i>	1.346.315.000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	3.417.235.909	2.454.653.546
Các xí nghiệp khác	572.162.180	623.500.413
Cộng	9.970.963.282	3.135.266.152

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8:

<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Nam Phương</i>	12.777.678	-
---	------------	---

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.4. Phải thu khác

					VND
	Cuối năm		Đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ngắn hạn:					
Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 6	2.186.179.941	-	2.186.179.941	-	
Phải thu Công ty CP Đầu tư Xây dựng Khoáng sản Mê Kông	1.837.456.033	-	2.521.732.533	-	
Phải thu người lao động về tạm ứng thi công công trình	4.630.655.427	61.733.900	2.862.183.369	61.733.900	
Phải thu người lao động khác	9.705.158.140	2.553.657.785	10.298.553.236	2.553.657.785	
Phải thu khác	2.860.168.138	-	1.788.337.053	-	
Cộng	21.219.617.679	2.615.391.685	19.656.986.132	2.615.391.685	
Dài hạn:					
Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	1.045.352.498	-	
Cộng	10.000.000	-	1.045.352.498	-	
Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm mục 8:					
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Khoáng sản Mê Kông	1.837.456.033	-	2.521.732.533	-	
Cộng	1.837.456.033	-	2.521.732.533	-	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.5. Nợ xấu

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng, chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm				Đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Khu quản lý giao thông đô thị số 4	1.220.043.700	(854.030.590)	366.013.110	Từ 1-2 năm	1.220.043.700	(610.021.850)	610.021.850	Từ 1-2 năm
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Vinh Nghĩa	1.162.374.000	(813.661.800)	348.712.200	Từ 1-2 năm	1.162.374.000	(581.187.000)	581.187.000	Từ 1-2 năm
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương Mại 68	1.045.918.500	(795.888.500)	250.030.000	Từ 1-2 năm	1.045.918.500	(557.121.950)	488.796.550	Từ 1-2 năm
Công ty TNHH Hồng Quang	797.434.000	(558.203.800)	239.230.200	Từ 1-2 năm	797.434.000	(398.717.000)	398.717.000	Từ 1-2 năm
Nguyễn Thế Tường	662.855.903	(662.855.903)	-	Từ 1-2 năm	662.855.903	(456.990.559)	205.865.344	Từ 1-2 năm
Nguyễn Hữu Chế	468.417.707	(468.417.707)	-	Từ 1-2 năm	468.417.707	(468.417.707)	-	Từ 1-2 năm
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hưng Thịnh	545.312.781	(545.312.781)	-	Từ 1-2 năm	545.312.781	(545.312.781)	-	Từ 1-2 năm
Các khách hàng khác (Còn lại)	6.943.818.192	(6.044.125.628)	899.692.564	Từ 1-2 năm	5.861.017.933	(4.277.579.650)	1.583.438.283	Từ 1-2 năm
Cộng	12.846.174.783	(10.742.496.709)	2.103.678.074		11.763.374.524	(7.895.348.497)	3.868.026.027	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	190.077.852	-	184.134.530	-
Công cụ, dụng cụ	4.237.116	-	8.942.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.010.038.911	-	99.053.212.673	-
Thành phẩm	1.453.111.600	-	356.451.245	-
Hàng hóa	240.781.668	-	243.359.548	-
Cộng	58.898.247.147	-	99.846.099.996	-

VND

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng công trình	56.862.365.911	97.514.062.884
<i>Công trình nâng cấp mở rộng trạm thu phí Chợ Đệm</i>	12.187.336.789	-
<i>Công trình Đỗ Xuân Hợp</i>	7.511.775.596	-
<i>Công trình 73 Ha Suối Lớn</i>	6.459.508.887	17.478.094.799
<i>Công trình Đường N13 Lộc An</i>	5.508.750.526	-
<i>Công trình Lộc An – Song Hành</i>	3.337.034.388	3.530.568.100
<i>Công trình Đường N3</i>	2.957.082.713	-
<i>Công trình Đình Quang Ấn</i>	2.548.303.459	-
<i>Công trình Long Hải</i>	3.371.151.988	2.220.566.963
<i>Công trình Cầu phà Tĩnh lộ 10</i>	-	6.537.615.044
<i>Công trình Đại Quang Minh, Quận 2</i>	494.636.682	29.861.167.549
<i>Công trình Hệ thống thoát nước Khu dân cư Long Thới</i>	-	2.325.646.944
<i>Công trình Đông Nam Củ Chi - Gói số 9</i>	-	2.286.648.832
<i>Công trình đường Cửa Cạn - Gành Dầu - Huyện Phú Quốc - Kiên Giang</i>	-	6.650.015.825
<i>Các công trình khác</i>	12.486.784.883	26.623.738.828
Chi phí sản xuất đá	147.673.000	174.499.199
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	-	1.364.650.590
Cộng	57.010.038.911	99.053.212.673

VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	1.406.368.284	55.857.185.237	9.814.741.004	112.087.909	192.055.949	67.382.438.383
Mua trong kỳ	-	41.577.595.112	9.868.261.818	-	-	51.445.856.930
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.303.086.205)	-	-	-	(2.303.086.205)
Số dư Cuối năm	1.406.368.284	95.131.694.144	19.683.002.822	112.087.909	192.055.949	116.525.209.108
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	1.003.598.008	33.098.369.000	8.311.053.543	109.737.630	153.644.748	42.676.402.929
Khấu hao trong kỳ	57.633.660	10.260.921.640	799.118.215	2.350.279	38.411.201	11.158.434.995
Thanh lý, nhượng bán	-	(142.727.000)	-	-	-	(142.727.000)
Số dư Cuối năm	1.061.231.668	43.216.563.640	9.110.171.758	112.087.909	192.055.949	53.692.110.924
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	402.770.276	22.758.816.237	1.503.687.461	2.350.279	38.411.201	24.706.035.454
Tại ngày Cuối năm	345.136.616	50.625.194.592	11.862.766.976	-	-	62.833.098.184

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 25.899.071.597 đồng – Xem thêm mục 5.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.532.985.902 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.8. Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
Lô đất tại Xã Phước Tân, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, diện tích 8.888 m ²	11.412.727.274	2.370.000.000
Công trình cao ốc văn phòng cho thuê	390.909.091	390.909.091
Cộng	11.803.636.365	2.760.909.091

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.9. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng Khoáng sản Mê Kông	4.700.000.000	(2.074.023.946)	2.625.976.054	4.700.000.000	(2.074.023.946)	2.625.976.054
Cộng	<u>4.700.000.000</u>	<u>(2.074.023.946)</u>	<u>2.625.976.054</u>	<u>4.700.000.000</u>	<u>(2.074.023.946)</u>	<u>2.625.976.054</u>
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Nam Phương	360.280.000	(98.637.874)	261.642.126	360.280.000	(98.637.874)	261.642.126
Công ty Cổ phần Bê Tông 610 Phan Thông	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Cộng	<u>2.860.280.000</u>	<u>(98.637.874)</u>	<u>2.761.642.126</u>	<u>2.860.280.000</u>	<u>(98.637.874)</u>	<u>2.761.642.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Đầu năm		Trong kỳ		Cuối năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn:	25.198.797.781	25.198.797.781	51.621.296.401	62.990.015.917	13.830.078.265	13.830.078.265	
<i>Vay ngân hàng</i>	22.975.797.781	22.975.797.781	44.170.734.401	58.829.215.917	8.317.316.265	8.317.316.265	
<i>Vay cá nhân</i>	730.000.000	730.000.000		730.000.000	-	-	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.493.000.000	1.493.000.000	7.450.562.000	3.430.800.000	5.512.762.000	5.512.762.000	
Vay dài hạn: (Chi tiết theo kỳ hạn)	640.000.000	640.000.000	12.502.438.000	-	13.142.438.000	13.142.438.000	
<i>Vay ngân hàng</i>	2.133.000.000	2.133.000.000	19.953.000.000	3.430.800.000	18.655.200.000	18.655.200.000	
<i>Trừ nợ dài hạn đến hạn trả</i>	(1.493.000.000)	(1.493.000.000)	(7.450.562.000)	(3.430.800.000)	(5.512.762.000)	(5.512.762.000)	
Cộng	25.838.797.781	25.838.797.781	64.123.734.401	62.990.015.917	26.972.516.265	26.972.516.265	

Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay bằng VND tại các ngân hàng sau:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình với lãi suất 8%/năm.
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 8,5%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay bằng VND tại các ngân hàng sau:

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 12%/năm.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình với lãi suất 7,5% - 8,5%/năm.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với lãi suất 9%/năm.

Các khoản vay ngân hàng ngắn và dài hạn được thế chấp bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng - Xem thêm mục 5.1.
- Toàn bộ các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế đã được ký kết - Xem thêm mục 5.2.
- Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 25.899.071.597 đồng - Xem thêm mục 5.7.

5.11. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng công ty	32.931.635.603	32.931.635.603	29.162.172.287	29.162.172.287
Công ty TNHH Tuấn Anh	4.716.789.649	4.716.789.649	3.190.740.209	3.190.740.209
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường ADCO	3.367.775.950	3.367.775.950	8.184.000	8.184.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng An Nghiệp	3.258.450.745	3.258.450.745	73.396.180	73.396.180
Phát Tổng Công ty CP Thương mại Xây dựng 6	2.615.000.000	2.615.000.000	2.615.000.000	2.615.000.000
Công ty CP Xây dựng Công trình Hùng Vương - Nhà máy Bê tông đúc sẵn Hùng Vương	2.366.181.780	2.366.181.780	1.754.224.102	1.754.224.102
Công ty CP Kỹ thuật Đông Phương	1.741.152.000	1.741.152.000	1.741.152.000	1.741.152.000
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	256.360.550	256.360.550	1.990.971.984	1.990.971.984
Phải trả cho các đối tượng khác	14.609.924.929	14.609.924.929	17.788.503.812	17.788.503.812

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.11. Phải trả người bán (tiếp theo)

Xí nghiệp Phước Tân	2.240.750.330	2.240.750.330	9.874.607.268	9.874.607.268
Công ty TNHH MTV Xây dựng Hưng Hoàng Long	445.044.105	445.044.105	198.292.185	198.292.185
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	400.330.000	400.330.000	-	-
Công ty TNHH MTV Nghĩa Đức	202.554.000	202.554.000	105.903.000	105.903.000
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hải Thanh Long	-	-	6.550.978.381	6.550.978.381
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Xuất nhập khẩu Thái Tôn	187.439.972	187.439.972	1.728.151.372	1.728.151.372
Các đối tượng khác	1.005.382.253	1.005.382.253	1.291.282.330	1.291.282.330
Các xí nghiệp khác	7.180.492.756	7.180.492.756	7.223.712.586	7.223.712.586
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Nam Quốc	2.687.925.485	2.687.925.485	2.687.925.485	2.687.925.485
Các đối tượng khác	4.492.567.271	4.492.567.271	4.535.787.101	4.535.787.101
Cộng	42.352.878.689	42.352.878.689	46.260.492.141	46.260.492.141
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8:				
Công ty Cổ phần Bê Tông 610 Phan Thông	153.097.000	153.097.000	-	-
Cộng	153.097.000	153.097.000	-	-

5.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Văn phòng công ty	37.404.019.905	51.091.373.560
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	15.181.835.975	3.152.528.000
Công ty CP 715	12.959.652.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành	5.903.484.550	6.969.736.003
Ban quản lý dự án Huyện Cẩm Mỹ	1.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	840.901.671	28.059.608.847
Các đối tượng khác	1.518.145.709	12.909.500.710
Các xí nghiệp khác	2.583.413.815	3.522.002.783
Công ty TNHH Thương mại Vận tải & Xuất nhập khẩu Huy Hoàng	475.029.551	3.522.002.783
Công ty CP Đạt Phương	358.179.323	-
Các đối tượng khác	1.750.204.941	-
Cộng	39.987.433.720	54.613.376.343

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	VND	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	111.930.111	5.672.365.860	2.619.105.529	-	3.165.190.442
Thuế thu nhập cá nhân	332.165	319.859.723	220.140.075	312.889.587	332.165	227.442.376
Các loại thuế khác	-	3.329.111.875	22.310.536.866	24.209.533.942	-	1.430.114.799
Cộng	332.165	3.760.901.709	28.203.042.801	27.141.529.058	332.165	4.822.747.617

	Đầu năm		Số được khấu trừ trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	Cuối năm
	Đầu năm	Số được khấu trừ trong năm			
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.675.229.803	35.857.813.094	34.041.186.407	2.056.700.978	
Cộng	2.675.229.803	35.857.813.094	34.041.186.407	2.056.700.978	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng công trình	23.502.614.500	6.292.050.191
Chi phí khai thác đá	795.506.227	1.427.020.385
Chi phí phải trả khác	2.524.653.667	1.250.627.668
Cộng	26.822.774.394	8.969.698.244

5.15. Phải trả khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Tài sản thừa chờ xử lý	35.775.239	27.238.310
Kinh phí công đoàn	-	76.053.809
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	241.233.529	123.220.904
Chi phí xây dựng công trình phải trả các đội thi công	4.350.300.292	4.499.370.684
Phải trả khác cho người lao động	1.232.993.950	-
Phải trả cổ tức	7.606.740.596	749.154.836
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.107.037.624	1.099.326.148
Cộng	14.574.081.230	6.574.364.691
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ hợp tác kinh doanh	777.110.000	800.000.000
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng	98.500.000	78.500.000
Đặt cọc quỹ bảo vệ môi trường	-	1.045.352.498
Cộng	875.610.000	1.923.852.498

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu kỳ	2.048.188.908	2.582.149.507
Trích lập trong kỳ	2.495.950.236	1.586.401.205
Sử dụng trong kỳ	(1.574.612.000)	(1.096.404.804)
Khác	-	(1.023.957.000)
Số dư Cuối năm	2.969.527.144	2.048.188.908

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	1.156.850.000	8.860.870.205	13.863.417.872	73.881.138.077
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	11.673.290.128	11.673.290.128
Chia cổ tức	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	3.273.752.511	(3.273.752.511)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.586.401.205)	(1.586.401.205)
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(523.800.401)	(523.800.401)
Khác	-	-	-	877.250.189	877.250.189
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	1.156.850.000	12.134.622.716	13.530.004.072	76.821.476.788
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	24.472.121.974	24.472.121.974
Chia cổ tức	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	2.477.588.513	(2.477.588.513)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.495.950.236)	(2.495.950.236)
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(629.963.885)	(629.963.885)
Số dư cuối kỳ này	50.000.000.000	1.156.850.000	14.612.211.229	24.898.623.412	90.667.684.641

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	12.342.610.000	25	11.802.610.000	24
Ông Nguyễn Thăng Long	10.408.100.000	21	10.408.100.000	21
Bà Nguyễn Thị Hạnh Hương	7.087.500.000	14	-	-
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6	-	-	7.556.300.000	15
Các cổ đông khác	20.161.790.000	40	20.232.990.000	40
Cộng	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100

5.17.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.17.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	VND
	Quỹ đầu tư phát triển
Số dư đầu năm	12.134.622.716
Trích trong kỳ	2.477.588.513
Chi trong kỳ	-
Số dư Cuối năm	14.612.211.229

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	175,75	206,76
EUR	23.358,00	-

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	7.280.500.000	7.280.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	186.815.543.853	165.838.426.461
Doanh thu cung cấp dịch vụ	254.353.636	8.679.867.207
Doanh thu hợp đồng xây dựng	227.388.230.569	94.908.153.046
Cộng	414.458.128.058	269.426.446.714
Giảm giá hàng bán	25.387.940	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	414.432.740.118	269.426.446.714

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	132.581.234.474	113.215.581.501
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	174.226.346	7.549.507.174
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	225.578.897.155	109.482.109.909
Cộng	358.334.357.975	230.247.198.584

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	116.529.639	50.467.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	375.000.000	-
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.990.960.000	2.940.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	200.039.903	279.622.089
Cộng	4.682.529.542	3.270.089.761

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3.200.042.344	1.659.881.303
Chi phí tài chính khác	275.688.370	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	1.079.235.101
Khác	-	26.608.906
Cộng	3.475.730.714	2.765.725.310

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu	947.757.313	1.283.730.121
Chi phí đồ dùng văn phòng	33.305.000	16.000.000
Chi phí vận chuyển	6.510.522.229	17.447.414.001
Cộng	7.491.584.542	18.747.144.122

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.659.487.848	3.630.657.531
Chi phí vật liệu	271.976.486	66.176.571
Chi phí đồ dùng văn phòng	166.178.848	52.189.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.182.140.333	1.941.489.538
Thuế, phí và lệ phí	1.178.490.313	75.875.492
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.133.278.847	799.633.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.910.394.661	617.918.306
Chi phí quản lý khác	131.589.640	7.793.924.412
Cộng	19.633.536.976	14.977.865.226

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.647.982.811	30.803.650.256
Chi phí nhân công	16.869.197.932	7.424.366.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.246.487.352	4.683.642.845
Chi phí dự phòng	4.133.278.847	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.864.320.239	30.692.425.649
Chi phí khác bằng tiền	1.553.918.486	3.981.012.194
Cộng	112.315.185.667	77.585.097.873

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.672.365.860	2.345.580.844
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.672.365.860	2.345.580.844

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	30.149.441.182	14.136.525.809
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(4.365.960.000)	(3.474.794.713)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	25.783.481.182	10.661.731.096
Thuế suất thuế TNDN hiện hành từ hoạt động kinh doanh chính	22%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	5.672.365.860	2.345.580.844
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.672.365.860	2.345.580.844

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục không được xem là thu nhập tính thuế theo quy định của Luật thuế TNDN, chi tiết như sau:

- Cổ tức nhận được trong năm;
- Lợi nhuận sau thuế từ hợp đồng hợp tác kinh doanh.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Dự phòng trợ cấp mất việc
Số dư đầu năm trước	193.812.058
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(117.654.837)
Số dư đầu năm nay	76.157.221
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(4.953.348)
Số dư cuối năm nay	71.203.873

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	64.123.734.401	59.052.888.987

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(62.260.015.917)	(50.619.847.183)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Khoáng sản Mê Kông	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Nam Phương	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Bê Tông 610 Phan Thông	Công ty liên kết
4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.2		
Công ty Cổ phần Bê Tông 610 Phan Thông	-	2.332.600
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 5.3		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Nam Phương	12.777.678	-
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.4		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Khoáng sản Mê Kông	1.837.456.033	2.521.732.533
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.11		
Công ty Cổ phần Bê Tông 610 Phan Thông	(153.097.000)	-

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa		
Công ty con	572.689.091	395.343.682
Công ty liên kết	1.593.752.086	594.087.986
Cộng	2.166.441.177	989.431.668
Bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Bê Tông 610 Phan Thông	-	259.836.363

▪ Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	438.907.040	234.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	258.000.000	372.422.496
Cộng	696.907.040	606.422.496

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 610

Địa chỉ: Lầu 3, số 203 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 của Công ty giảm 34,8 tỷ đồng do Công ty ghi nhận toàn bộ các chi phí xây dựng phát sinh do trượt giá liên quan đến Công trình Cầu phà Tĩnh lộ 10, Công trình Cửa Cạn Ghềnh Dầu (gói 2 và gói 3), Công trình Cơ sở hệ tầng Khu định cư, tái định cư, khu đô thị Suối Lớn (gói 4) với tổng tiền là 34,8 tỷ đồng vào chi phí giá vốn hàng bán trong kỳ. Các khoản thu được phát sinh trong tương lai từ nguồn chi bổ sung hồ sơ trượt giá của Chủ đầu tư sẽ được Công ty ghi nhận doanh thu khi xác định được cơ sở chắc chắn của khoản phải thu này.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 03 năm 2016.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

CAO VĂN LỜ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VÕ THÀNH NGHIỆP

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THẮNG LONG